

Số: 426 /QĐ-ĐHSD

Hải Dương, ngày 20 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 2382/QĐ-BCT ngày 08/9/2020; sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 1124/QĐ-BCT ngày 01/4/2021 của Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ;

Căn cứ Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT ngày 17/9/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Sao Đỏ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 416/QĐ-ĐHSD ngày 10/10/2018 của Trường Đại học Sao Đỏ.

Điều 3. Các ông (bà) trưởng đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các đ/c Phó Hiệu trưởng;
- Lưu: VT, QLKH&HTQT.



TS. Đinh Văn Nhung

QUY CHẾ

Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

(Kèm theo Quyết định số 426/QĐ-ĐHSD ngày 26/10/2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định một số hoạt động khoa học và công nghệ áp dụng cho cán bộ, giảng viên và sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Nghiên cứu khoa học (NCKH) là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn.

2. Hoạt động khoa học và công nghệ (KHCN) là hoạt động NCKH, nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ, dịch vụ KHCN, phát huy sáng kiến và hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển KHCN.

3. Chuyển giao công nghệ (CGCN) là hoạt động đưa những công nghệ mới vào áp dụng trong thực tiễn thông qua các hợp đồng kinh tế.

4. Nhóm KHCN mạnh là tập thể các nhà khoa học, giảng viên để thúc đẩy hoạt động KHCN và đào tạo đạt hiệu quả cao; tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, tiếp cận các tiêu chí của cơ sở giáo dục đại học tiên tiến.

Điều 3. Một số hoạt động KHCN

1. Nghiên cứu, đề xuất, xây dựng thuyết minh, thực hiện đề án/dự án/đề tài/nhiệm vụ KHCN (sau đây gọi tắt là đề tài KHCN) theo Nghị định thư, cấp Nhà nước, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp thành phố, cấp trường hoặc của các đơn vị, tổ chức đặt hàng.

2. Viết và công bố bài báo khoa học trên tạp chí, báo cáo tại hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế (ưu tiên bài báo/báo cáo trên các tạp chí, hội nghị quốc tế uy tín trong danh mục ISI, Scopus có chỉ số IF cao, tỉ lệ trích dẫn nhiều).

3. Tổ chức, phối hợp tổ chức hội nghị, hội thảo, seminar khoa học.

4. Biên soạn sách chuyên khảo, tham khảo, giáo trình phục vụ đào tạo và nghiên cứu được xuất bản có mã số ISBN.

5. Đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích, ứng dụng và CGCN, cải tiến kỹ thuật, thiết bị ứng dụng vào thực tế đời sống và sản xuất (ưu tiên các sáng chế, giải pháp hữu ích, cải tiến kỹ thuật có thể thương mại hoá).

6. Hướng dẫn sinh viên tham gia các hoạt động KHCN.

7. Các nhiệm vụ KHCN khác do phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế (QLKH&HTQT) đề xuất và được lãnh đạo nhà trường đồng ý cho thực hiện.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền lợi

1. Trách nhiệm của giảng viên

a) Trong năm học, phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc (tương đương 586 giờ hành chính) để làm nhiệm vụ NCKH.

b) Giảng viên phải hoàn thành nhiệm vụ NCKH được giao tương ứng với chức danh nghề nghiệp hoặc vị trí công việc đang đảm nhiệm. Kết quả NCKH được đánh giá thông qua sản phẩm tương ứng được quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

2. Trách nhiệm của sinh viên

a) Thực hiện đề tài KHCN và triển khai ứng dụng tiến bộ KHCN vào học tập, thực tiễn theo kế hoạch hoạt động KHCN của khoa và nhà trường.

b) Tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học và các hoạt động KHCN khác của khoa và nhà trường.

c) Trung thực trong NCKH, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định hiện hành về hoạt động KHCN.

3. Trách nhiệm của phòng, khoa, tổ chức đoàn thể

a) Hướng dẫn, tư vấn, hoàn thiện các thủ tục cho giảng viên, sinh viên đăng ký, thực hiện hoạt động KHCN theo quy định.

b) Hỗ trợ, động viên chức, giảng viên, sinh viên tham gia các hoạt động KHCN.

4. Quyền lợi

Viên chức, giảng viên, sinh viên tham gia NCKH và hoàn thành nhiệm vụ KHCN được hưởng quyền lợi theo quy định hiện hành.

Chương II

ĐỀ TÀI/NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 5. Đề tài KHCN các cấp

1. Đề tài KHCN

a) Đề tài KHCN theo Nghị định thư, cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh, cấp Thành phố, dự án KHCN của các tổ chức được thông báo, đề xuất và phê duyệt thực hiện hàng năm theo kế hoạch của bên đặt hàng.

b) Đề tài KHCN cấp cơ sở được lựa chọn từ các đơn vị nhằm giải quyết những vấn đề về khoa học; những vấn đề cấp thiết trong quá trình đào tạo, quản lý của nhà trường; những yêu cầu xuất phát từ thực tiễn cuộc sống hoặc từ yêu cầu của doanh nghiệp. Đối với các đề tài nghiên cứu cơ bản, cần phải xác định rõ hướng nghiên cứu tiếp theo của đề tài.

2. Yêu cầu đối với đề tài KHCN

a) Đề tài KHCN phải gắn với thực tiễn đào tạo và sản xuất; hoặc giải quyết những vấn đề phục vụ phát triển về kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng.

b) Kết quả nghiên cứu phải được chuyển giao, ứng dụng/áp dụng vào đào tạo, sản xuất và đời sống.

c) Số lượng người tham gia thực hiện đề tài KHCN:

c₁) Đề tài KHCN theo Nghị định thư, cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh, cấp Thành phố, dự án KHCN của các tổ chức: Số lượng người tham gia căn cứ theo nội dung và yêu cầu của từng loại đề tài KHCN.

c₂) Đề tài KHCN cấp cơ sở: Chủ nhiệm đề tài căn cứ vào nội dung, kết quả nghiên cứu để đăng ký số lượng người tham gia thực hiện. Đối với đề tài của sinh viên, phải có một giảng viên hướng dẫn và một sinh viên làm chủ nhiệm đề tài.

Điều 6. Đăng ký, xây dựng thuyết minh đề tài KHCN

1. Đăng ký đề tài KHCN

a) Đề tài KHCN theo Nghị định thư, cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh, cấp Thành phố, dự án KHCN của các tổ chức: Căn cứ yêu cầu của các cấp, phòng QLKH&HTQT thông báo để các đơn vị, cá nhân có đủ điều kiện và năng lực đăng ký, đề xuất đề tài KHCN. Phòng QLKH&HTQT tổng hợp và tổ chức tuyển chọn cấp Trường.

b) Đề tài KHCN cấp cơ sở: Viên chức, giảng viên và sinh viên đăng ký đề tài; các đơn vị tuyển chọn, tổng hợp, gửi về phòng QLKH&HTQT để tổ chức tuyển chọn cấp Trường theo quy định.

2. Xây dựng thuyết minh đề tài KHCN

a) Đề tài KHCN theo Nghị định thư, cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh, cấp Thành phố, dự án KHCN: Hồ sơ được xây dựng theo mẫu hướng dẫn của từng cấp.

b) Đề tài KHCN cấp cơ sở: Thuyết minh được xây dựng theo mẫu trong thủ tục quy trình ISO TCVN 9001:2015.

c) Thời gian thực hiện đề tài KHCN: Đề tài KHCN theo Nghị định thư, cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh, cấp Thành phố, dự án KHCN thực hiện theo quyết định phê duyệt của từng cấp. Đề tài KHCN cấp cơ sở thực hiện không quá 18 tháng, trường hợp đặc biệt sẽ do lãnh đạo nhà trường quyết định.

Điều 7. Đánh giá, nghiệm thu kết quả đề tài KHCN

1. Đề tài KHCN theo Nghị định thư, cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh, cấp Thành phố, dự án KHCN.

a) Hội đồng KHCN cấp Trường tổ chức đánh giá, nghiệm thu theo tiến độ.

b) Tác giả/nhóm tác giả chỉnh sửa theo góp ý của Hội đồng, hoàn thiện hồ sơ và gửi về phòng QLKH&HTQT theo quy định.

c) Phòng QLKH&HTQT gửi văn bản và hồ sơ đề nghị tổ chức nghiệm thu các cấp theo kế hoạch.

d) Tác giả/nhóm tác giả chuẩn bị nội dung, thực hiện nghiệm thu và hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu của Hội đồng các cấp đảm bảo chất lượng, tiến độ.

2. Đề tài KHCN cấp cơ sở

a) Hội đồng cấp Khoa và Hội đồng cấp Trường chỉ tổ chức đánh giá, nghiệm thu khi có đủ hồ sơ đề tài KHCN và không vắng quá 20% số thành viên hội đồng. Ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo. Hội đồng đánh giá, nghiệm thu đề tài KHCN trên cơ sở nội dung và sản phẩm/kết quả nghiên cứu đã được duyệt trong thuyết minh; kết quả áp dụng/ứng dụng, thử nghiệm; khả năng thuyết trình của nhóm tác giả.

b) Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày nghiệm thu đề tài KHCN, tác giả/nhóm tác giả phải chỉnh sửa theo góp ý của Hội đồng, hoàn thiện hồ sơ và gửi về phòng QLKH&HTQT theo quy định.

c) Phòng QLKH&HTQT tổng hợp, trình duyệt và ban hành quyết định công nhận kết quả nghiên cứu của đề tài.

Điều 8. Quản lý tài chính đề tài KHCN

1. Đề tài KHCN theo Nghị định thư, cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh, cấp Thành phố, dự án KHCN đặt hàng của tổ chức.

a) Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn, chủ nhiệm đề tài KHCN xây dựng kinh phí của đề tài KHCN. Kinh phí xây dựng phải phù hợp với từng nội dung trong thuyết minh của đề tài KHCN. Kinh phí của đề tài được cấp có thẩm quyền phê duyệt là cơ sở để thanh toán các nội dung của đề tài.

b) Chủ nhiệm đề tài KHCN có trách nhiệm quản lý, thực hiện các nội dung và sử dụng nguồn kinh phí đúng theo thuyết minh, hợp đồng đã được phê duyệt và phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật quy định về công tác tài chính hiện hành. Đồng thời, chủ nhiệm đề tài KHCN phải có trách nhiệm giải trình về nội dung đã thực hiện, kinh phí đã sử dụng trong quá trình thực hiện đề tài.

c) *Chủ nhiệm và các thành viên được quyền sử dụng quỹ thời gian NCKH trong năm học theo quy định (tối thiểu 1/3 giờ làm việc) để thực hiện đề tài KHCN. Tiền lương trong thời gian tham gia thực hiện đề tài của chủ nhiệm và các thành viên được thanh toán từ nguồn kinh phí của đề tài đã được phê duyệt.*

d) Kết thúc nội dung/chuyên đề, thời gian thực hiện đề tài KHCN, chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm hoàn thành hồ sơ và thanh quyết toán theo quy định.

2. Đề tài KHCN cấp cơ sở

a) *Chủ nhiệm đề tài tổ chức thực hiện các nội dung và sử dụng nguồn kinh phí đúng theo thuyết minh đã được duyệt. Tiền lương trong thời gian tham gia thực hiện đề tài của chủ nhiệm và các thành viên được thanh toán từ nguồn kinh phí của đề tài đã được phê duyệt.*

b) Kết thúc nội dung/chuyên đề, thời gian thực hiện đề tài KHCN, chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm hoàn thành hồ sơ và thanh quyết toán theo quy định.

3. Phòng QLKH&HTQT chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định, quản lý nội dung của đề tài KHCN; phòng Tài chính - Kế toán có trách nhiệm thẩm định hồ sơ thanh toán theo thuyết minh, hợp đồng.

Chương III

NHÓM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ MẠNH

Điều 9. Nguyên tắc hoạt động

1. Hoạt động của nhóm KHCN mạnh phải xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, gắn kết các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, phát triển và ứng dụng KHCN.
2. Xây dựng và phát huy tối đa năng lực của cá nhân, tổ chức để tiếp cận, làm chủ KHCN; xây dựng hướng nghiên cứu mũi nhọn, trọng điểm.
3. Khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện hỗ trợ nghiên cứu hiện có của nhà trường; xây dựng cơ chế hợp tác hiệu quả trong và ngoài nhóm.
4. Trung thực, khách quan, đề cao đạo đức nghề nghiệp, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động.

Điều 10. Tiêu chuẩn của các thành viên

1. Tiêu chuẩn chung

a) Về phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức tốt, chấp hành đúng pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường; trung thực, khách quan, tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân và tập thể.

b) Về năng lực

b₁) Có kỹ năng viết báo khoa học, xây dựng và trình bày báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học; có năng lực thực hiện nhiệm vụ KHCN các cấp; có khả năng nghiên cứu và triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn; có khả năng tư vấn, CGCN phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh.

b₂) Có khả năng khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học để phục vụ quá trình nghiên cứu và báo cáo kết quả nghiên cứu.

b₃) Có khả năng nghiên cứu, làm việc độc lập hoặc theo nhóm; có khả năng tổ chức, hướng dẫn, bồi dưỡng và phát triển tài năng cho sinh viên.

2. Tiêu chuẩn riêng

a) Trưởng nhóm:

a₁) Có trình độ tiến sĩ và là giảng viên cơ hữu của nhà trường;

a₂) Đã làm chủ nhiệm/thành viên chính của ít nhất 01 nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia/bộ/tỉnh/thành phố đã được nghiệm thu; hoặc là tác giả/chủ biên của ít nhất 01 cuốn sách, giáo trình đã xuất bản (có mã ISBN); hoặc là tác giả chính của ít nhất 03 bài báo khoa học đã công bố trên tạp chí khoa học trong nước (tạp chí được tính điểm); hoặc là tác giả chính của ít nhất 01 bài báo khoa học đã công bố trên tạp chí khoa học quốc tế.

a₃) Có khả năng quản lý, điều hành các dự án nghiên cứu; có khả năng đề xuất, định hướng nghiên cứu; có tư duy sáng tạo, khả năng nghiên cứu và triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn; có khả năng tập hợp các nhà khoa học để tổ chức thực hiện nhiệm vụ KHCN giải quyết các vấn đề từ thực tiễn; có khả năng tổng kết, xây dựng và trình bày các báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; có khả năng tổ chức hoặc tham gia tổ chức sinh hoạt học thuật trong nước và quốc tế.

b) Thành viên:

b₁) Có trình độ từ thạc sĩ trở lên;

b₂) Đã tham gia ít nhất 01 nhiệm vụ KHCV cấp Quốc gia/Bộ/Tỉnh/Thành phố/Trường; hoặc là đồng tác giả/đồng chủ biên của 01 sách, giáo trình đã xuất bản (có mã ISBN); hoặc là tác giả/đồng tác giả của ít nhất 01 bài báo khoa học đã được công bố trên tạp chí khoa học trong nước hoặc quốc tế.

b₃) Có khả năng nghiên cứu và triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn; có khả năng tổ chức nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ KHCV cụ thể; có khả năng sử dụng, vận hành thiết bị hỗ trợ nghiên cứu và sản xuất; có khả năng xây dựng và trình bày báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học thuộc lĩnh vực nghiên cứu.

Điều 11. Nhiệm vụ

1. Tham gia xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển KHCV phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, định hướng phát triển của nhà trường.

2. Tìm kiếm, đề xuất và tham gia thực hiện đề tài KHCV các cấp.

3. Công bố và chuyển giao kết quả nghiên cứu.

a) Công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí, hội nghị khoa học trong nước và quốc tế. Trong đó ưu tiên công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí thuộc danh mục SCI, SCIE, Scopus.

b) Đăng ký sở hữu trí tuệ cho sản phẩm, kết quả nghiên cứu của nhóm.

c) Đăng ký, tham dự các giải thưởng về KHCV.

d) Biên soạn và xuất bản sách, giáo trình và các ấn phẩm khoa học.

e) Chuyển giao công nghệ, giải pháp kỹ thuật, sản phẩm nghiên cứu: Tìm kiếm đối tác, tham gia tư vấn, giám sát, CGCN cho các đơn vị/cá nhân có nhu cầu; xây dựng kế hoạch, hợp đồng, phương án thực hiện.

4. Đánh giá hiệu quả hoạt động của nhóm

a) Trưởng nhóm có trách nhiệm xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung hoạt động của nhóm và được triển khai vào đầu năm học mới; tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả hoạt động của nhóm vào cuối năm học đó.

b) Hiệu quả hoạt động được đánh giá trên cơ sở kết quả đạt được về KHCV trong năm học của cá nhân và tập thể: số lượng đề tài được duyệt thực hiện; bài báo, báo cáo khoa học được công bố; đơn bảo hộ được chấp nhận và công bố; hợp đồng CGCN hoặc biên bản hợp tác được ký kết; giải thưởng KHCV đạt được; doanh thu hoạt động KHCV của nhóm.

Điều 12. Chế độ ưu đãi

1. Được tạo điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, thiết bị, máy móc khi thực hiện các nhiệm vụ KHCV.

2. Được sử dụng kinh phí của đề tài KHCV để công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí, hội nghị khoa học trong nước và quốc tế, đăng ký và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Chương IV

MỘT SỐ QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 13. Quy đổi một số hoạt động KHCN

1. Quy đổi kết quả/sản phẩm một số hoạt động KHCN ra tiết giảng lý thuyết.

TT	Nội dung	Tiết giảng
1	Bài báo, báo cáo khoa học được công bố:	
	+ Trên tạp chí quốc tế trong danh mục SCI, SCIE, Scopus	400/bài
	+ Trên tạp chí quốc tế (có mã ISSN) được tính điểm	200/bài
	+ Trên tạp chí, hội nghị khoa học trong nước (>0.5 điểm); Hội nghị khoa học quốc tế (có mã ISBN); Tạp chí NCKH-ĐHSD.	100/bài
	+ Trên tạp chí, hội nghị khoa học trong nước (≤ 0.5 điểm)	50/bài
	+ Tại hội nghị, hội thảo khoa học (Hội, Câu lạc bộ,...)	15/bài
	+ Cộng tác viên bài báo được đăng trên Tạp chí ĐHSD	03/bài
2	Đề tài KHCN cấp Quốc gia hoặc tương đương:	
	+ Xuất sắc	500/đề tài
	+ Khá	400/đề tài
	+ Đạt yêu cầu	300/đề tài
3	Đề tài KHCN cấp Bộ, Tỉnh, Thành phố hoặc tương đương:	
	+ Xuất sắc	400/đề tài
	+ Khá	300/đề tài
	+ Đạt yêu cầu	200/đề tài
4	- Đề tài KHCN cấp cơ sở của giảng viên:	
	+ Xuất sắc	200/đề tài
	+ Đạt yêu cầu	150/đề tài
	- Đề tài KHCN của sinh viên (giờ quy đổi tính cho GVHD):	
	+ Xuất sắc	80/đề tài
	+ Đạt yêu cầu	50/đề tài
5	+ Sách, giáo trình biên soạn mới được lưu chiếu (có mã ISBN)	400/sách, GT
	+ Sách, giáo trình được hiệu chỉnh theo kế hoạch của nhà trường	50/sách, GT
6	- Hướng dẫn sinh viên tham gia Robocon (chỉ tính lần cao nhất):	
	+ Vòng loại khu vực phía Bắc	60/đội
	+ Vòng chung kết toàn quốc	120/đội
	- Tham gia/hướng dẫn sinh viên tham dự cuộc thi/hội thi/giải thưởng sáng tạo KHCN và đoạt giải:	
	+ Cấp Quốc gia:	

TT	Nội dung	Tiết giảng
	<i>Giải Nhất/Huy chương vàng</i>	<i>150/giải</i>
	<i>Giải Nhì/Huy chương bạc</i>	<i>100/giải</i>
	<i>Giải Ba/Huy chương đồng</i>	<i>50/giải</i>
	<i>Giải Khuyến khích</i>	<i>30/giải</i>
	<i>+ Cấp Bộ, cấp Ngành, cấp Tỉnh:</i>	
	<i>Giải Nhất/Huy chương vàng</i>	<i>80/giải</i>
	<i>Giải Nhì/Huy chương bạc</i>	<i>60/giải</i>
	<i>Giải Ba/Huy chương đồng</i>	<i>40/giải</i>
	<i>Giải Khuyến khích</i>	<i>20/giải</i>
	<i>+ Cấp Trường:</i>	
	<i>Giải Nhất</i>	<i>30/giải</i>
	<i>Giải Nhì</i>	<i>20/giải</i>
	<i>Giải Ba</i>	<i>10/giải</i>
	<i>Giải Khuyến khích</i>	<i>05/giải</i>
	<i>Tổ chức hội nghị, hội thảo/seminar khoa học:</i>	
<i>7</i>	<i>+ Cấp Trường</i>	<i>60/lần</i>
	<i>+ Cấp Khoa</i>	<i>40/lần</i>
	<i>+ Cấp Bộ môn</i>	<i>20/lần</i>
	<i>Tham gia Hội đồng tuyển chọn và nghiệm thu đề tài KHCN cấp Trường:</i>	
<i>8</i>	<i>+ Chủ tịch</i>	<i>05/đề tài</i>
	<i>+ Phản biện</i>	<i>04/đề tài</i>
	<i>+ Ủy viên, thành viên, thư ký khoa học</i>	<i>03/đề tài</i>

2. Các trường hợp khác do phòng QLKH&HTQT đề xuất và được lãnh đạo nhà trường quyết định.

Điều 14. Một số quy định khác

1. Công trình khoa học (bài báo, sách, đề tài, giải thưởng) có nhiều người tham gia thì tác giả chính được hưởng 1/3 số giờ của công trình đó; số giờ còn lại được chia theo giá trị đóng góp của mỗi người; trường hợp không thể xác định cụ thể giá trị đóng góp của mỗi người thì số giờ còn lại được chia đều cho từng người tham gia.

2. Bài báo là sản phẩm của đề tài KHCN không được tính giờ quy đổi.

3. Sách, giáo trình xuất bản (có mã ISBN) phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH của giảng viên và sinh viên trong nhà trường được nhà trường hỗ trợ kinh phí in ấn và lưu chiểu.

4. Sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu, logo,... thuộc đề tài KHCN nào thì đề tài KHCN đó trả kinh phí đăng ký, tra cứu, cấp bằng/giấy chứng nhận bảo hộ. Sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu, logo mà nhà trường là đơn vị chủ trì thì nhà trường chi trả kinh phí đăng ký, tra cứu, cấp bằng/giấy chứng nhận bảo hộ.

5. Tập thể/cá nhân có sáng chế, sáng kiến, giải pháp hữu ích được áp dụng, giải pháp công nghệ được chuyển giao mang lại lợi ích về kinh tế, xã hội thì được thưởng theo phần trăm (%) đóng góp và giá trị làm lợi từ sáng kiến, giải pháp đó.

6. Giảng viên không hoàn thành định mức giờ NCKH trong năm học theo quy định thì phải bù giờ NCKH từ giờ giảng dạy. Trường hợp giảng viên có số giờ NCKH trong năm học lớn hơn giờ định mức theo quy định thì số giờ vượt định mức thì được tính thừa giờ. Giờ thừa chỉ được tính khi giờ giảng và giờ công việc khác phải đảm bảo tối thiểu bằng giờ định mức theo quy định. Cách tính giờ NCKH thừa được tính như đối với giờ giảng.

7. Phòng QLKH&HTQT tổ chức rà soát, đánh giá tiến độ, hiệu quả thực hiện các đề tài/dự án hoặc các mối quan hệ hợp tác và đối tác nghiên cứu để đề xuất cơ chế chính sách phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Một số tiêu chí chính để rà soát, đánh giá gồm: nội dung hợp tác, hình thức hợp tác, mức độ hợp tác, kết quả/hiệu quả hợp tác.

Chương V

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 15. Khen thưởng

1. Nhà trường khuyến khích cán bộ, giảng viên, sinh viên tham gia các hoạt động KHCN theo hướng ứng dụng, gắn nghiên cứu khoa học với đào tạo và chuyển giao công nghệ áp dụng vào thực tế mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội.

2. Hoạt động KHCN là một tiêu chí để xét thi đua, khen thưởng trong năm học của cán bộ, giảng viên và sinh viên.

a) Hình thức khen thưởng theo quy định của nhà trường.

b) Tiền thưởng được trích từ nguồn kinh phí chi cho hoạt động KHCN hàng năm của nhà trường.

3. Đối với Hội thi Sáng tạo KHCN do nhà trường tổ chức

a) Hằng năm, Ban tổ chức Hội thi xây dựng thể lệ, số lượng giải thưởng căn cứ theo điều kiện thực tế của nhà trường. Giá trị giải thưởng theo Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường.

b) Cán bộ, giảng viên có công trình đoạt giải được cấp Giấy chứng nhận của Ban tổ chức Hội thi và được tính giờ NCKH theo quy định.

c) Sinh viên có công trình đoạt giải được cấp Giấy chứng nhận của Ban tổ chức Hội thi, được ưu tiên trong xét học bổng, phần thưởng khuyến khích học tập và được ưu tiên khi xét tặng các danh hiệu thi đua của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên.

d) Các công trình đoạt giải có chất lượng cao sẽ được Ban tổ chức xét chọn, hỗ trợ đăng ký tham gia các giải thưởng/hội thi cấp cao hơn.

Điều 16. Xử lý vi phạm

1. Các hành vi bị cấm trong hoạt động KHCN

- a) Gian lận để được hưởng ưu đãi, khen thưởng trong hoạt động KHCN.
- b) Lợi dụng hoạt động KHCN để xuyên tạc, chống lại đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường.
- c) Lợi dụng uy tín, thương hiệu của nhà trường để ký kết, chuyển giao các công trình nghiên cứu KHCN ra bên ngoài khi chưa được sự đồng ý của nhà trường.

2. Xử lý vi phạm

- a) Nếu giảng viên không hoàn thành đề tài KHCN theo kế hoạch thì phải bồi hoàn toàn bộ kinh phí đã được cấp để thực hiện đề tài đó và không được làm chủ nhiệm đề tài KHCN trong năm học tiếp theo.
- b) Nếu giảng viên không tham gia NCKH trong năm học thì phải xem xét đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xếp loại thi đua trong năm học đó. Mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xếp loại thi đua trong năm học sẽ do khoa và phòng QLKH&HTQT đề xuất để Chủ tịch Hội đồng Thi đua, khen thưởng nhà trường xem xét, quyết định.
- c) Mọi hành vi vi phạm khác trong hoạt động KHCN, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xem xét xử lý, kỷ luật theo quy định của nhà trường và pháp luật của Nhà nước.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ năm học 2021 - 2022. Trưởng các đơn vị có trách nhiệm phổ biến quy định này đến toàn thể viên chức của đơn vị và căn cứ triển khai thực hiện.
2. Trong quá trình thực hiện, quy chế này có thể được sửa đổi, bổ sung khi cần thiết để phù hợp tình hình thực tế và quy định của Nhà nước ở từng thời kỳ.
3. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản khác, thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó./.



TS. Đinh Văn Nhung